

Số:1120 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh,
Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường điện tử tỉnh Bắc Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 7146/VPCP-KSTT ngày 31/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn xác định, xây dựng Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 754/TTr-VP ngày 27/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường điện tử tỉnh Bắc Ninh gồm 39 chỉ số (*danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Bộ chỉ số này là căn cứ thống nhất để các cơ quan, đơn vị cập nhật, báo cáo, phân tích và phục vụ công tác theo dõi, đánh giá, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai, căn cứ yêu cầu chỉ đạo của Trung ương, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và tình hình thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ xem xét bổ sung các chỉ số mới, điều chỉnh hoặc loại bỏ những chỉ số không còn phù hợp. Việc rà soát, cập nhật được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Bộ chỉ số là công cụ chuẩn hóa, thống nhất để theo dõi, đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Bộ chỉ số được xem là hệ thống KPI của tỉnh, giúp lượng hóa kết quả, đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương, gắn trách nhiệm với người đứng đầu.

3. Việc triển khai, vận hành Bộ chỉ số phải bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, minh bạch, kịp thời, có khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ với các Hệ thống thông tin của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ; Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống IOC tỉnh, Hệ thống Quản lý văn bản và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công): Chủ trì, trực tiếp xây dựng và vận hành Hệ thống Theo dõi, giám sát nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên cơ sở Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành được phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

Định kỳ hàng năm hoặc theo nhu cầu chỉ đạo, điều hành đột xuất, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chủ động rà soát, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung các chỉ số mới hoặc loại bỏ, điều chỉnh các chỉ số không còn phù hợp; bảo đảm bộ chỉ số luôn sát thực tế, khả thi và phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì đảm bảo việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh thông suốt, ổn định; Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu; Nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản điều hành, Hệ thống IOC tỉnh đáp ứng nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu, nghiệp vụ với Hệ thống Theo dõi, giám sát nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã: Cung cấp, cập nhật dữ liệu định kỳ cho các chỉ số được phân công; bảo đảm chuẩn hóa, chính xác, thống nhất, an toàn và kịp thời; chủ động phân tích, dự báo, khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; định kỳ rà soát, đề

xuất bổ sung hoặc loại bỏ các chỉ số trong phạm vi lĩnh vực phụ trách cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chỉ đạo của Trung ương.

4. Công an tỉnh: Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho Hệ thống Theo dõi, giám sát nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND và các hệ thống liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, Các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn

PHỤ LỤC**Danh mục Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường điện tử***(Kèm theo Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Chỉ số	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu	Tần suất cập nhật
I. LĨNH VỰC KINH TẾ			
1	Thu, chi ngân sách địa phương	Sở Tài chính	Tuần
2	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	Sở Tài chính	Tuần
3	Tốc độ tăng trưởng GRDP	Thống kê tỉnh	Quý
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Thống kê tỉnh	Tháng
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	Thống kê tỉnh	Tháng
6	Giá trị sản xuất công nghiệp	Thống kê tỉnh	Quý
7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Thống kê tỉnh	Tháng
8	Kim ngạch xuất nhập khẩu	Sở Công Thương	Tháng
9	Chỉ số điện năng	Sở Công Thương	Tháng
10	Tình hình đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Tháng
11	Tình hình các dự án đầu tư nước ngoài	Sở Tài chính	Tháng
12	Tình hình triển khai các dự án lớn đầu tư nước ngoài	Sở Tài chính	Tháng
13	Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tháng
II. LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP			
14	Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Tháng
15	Số lao động trong khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Quý
16	Chỉ tiêu thu hút đầu tư trong khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Tháng
17	Tình hình triển khai dự án trong khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Tháng
18	Tình hình giải ngân trong khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Quý
19	Tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	Tháng

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			
20	Chỉ tiêu về nhà ở xã hội	Sở Xây dựng	Quý
21	Hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp	Sở Nội vụ	Tháng
22	Số lượng giáo viên trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng
23	Số lượng học sinh trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng
24	Số lượng trường, lớp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng
25	Chỉ số du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng
26	Tiến độ triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Tháng
27	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Sở Y tế	6 tháng
28	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Sở Y tế	6 tháng
29	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Tháng
30	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Sở Y tế	Tháng
31	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	Sở Y tế	Tháng
IV. LĨNH VỰC AN NINH - TRẬT TỰ			
32	Chỉ số về dân cư	Công an tỉnh	Tháng
33	Tình hình cháy, nổ	Công an tỉnh	Tháng
34	Tình hình tai nạn giao thông	Công an tỉnh	Tháng
V. THEO DÕI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ			
35	Theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng
36	Theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng
37	Theo dõi nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Tuần
38	Giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Ngày
39	Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Ngày